TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 09- 8- 2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT- TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phúc.

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thanh Thuỷ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà***: Không.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị Kiều A, sinh 1992. Địa chỉ: ấp HL, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Nguyễn Hoàng K, sinh 1987. Địa chỉ: ấp MĐ, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long- *vắng mặt không lý do*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, nguyên đơn Phan Thị Kiều A trình bày:

Chị Phan Thị Kiều A và anh Nguyễn Hoàng K kết hôn tại Uỷ ban nhâny dân xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 19/01/2017 chị A và anh K được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04. Đời sống vợ chồng sống hạnh

phúc đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn phát sinh. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A khởi kiện xin ly hôn với anh K.

Chị A và anh K không con chung.

Chị A không yêu cầu chia tài sản chung, chia nợ chung.

Anh K đã được bàn giao hợp lệ nhiều lần thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tài sản. Nhưng anh K không tham dự các phiên họp, nên không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên yêu cầu nêu trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Phan Thị Kiều A khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Hoàng K. Anh K có nơi cư trú tại ấp MĐ, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện MT xác định tranh chấp ly hôn, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham dự phiên tòa. Nhưng anh K không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh K là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh K là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chị A khởi kiện xin ly hôn với anh K. Anh K đã được triệu tập tham dự phiên tòa lần thứ hai hợp lệ. Nhưng anh K vắng mặt không lý do và không ý kiến phản bác yêu cầu của chị A nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022. Cho thấy, anh K đã thừa nhận ý kiến và yêu cầu của chị A nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022 là đúng sự thật. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa chị A và anh K không thể đạt được. Chị A khởi kiện xin ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.2.Con chung:

Không có.

2.3. Tài sản:

Chị A không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung. Nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị A nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phan Thị Kiều A:

1. Hôn nhân:

Chị Phan Thị Kiều A được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K.

2. Con chung:

Không có.

3. Tài sản chung, nợ chung:

Không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Phan Thị Kiều A nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chị A được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT ngày 21/4/2022, lai số 0007060. Chị A không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Phan Thị Kiều A, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Hoàng K vắng mặt, báo cho biết có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện MT;
- UBND xã MA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh